

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2026/KDTM-ST**
Ngày: 07/7/2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mai Thảo

Ông Huỳnh Phi Hồ

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Lê Khang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2024/TLST-KDTM ngày 09 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2026/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 5 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 318/2026/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần V

Địa chỉ: H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội (Nay là phường Đ, thành phố Hà Nội).

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Ma Khắc K, ông Trần Cao C

Địa chỉ: Tầng B, B Xa lộ H, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (N là phường L, thành phố Đ).

- Bị đơn: Công ty TNHH P

Địa chỉ trụ sở: Số B, khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (N là phường T, thành phố Đ).

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Trí Đ – Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Hồng H**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: F, khu phố T, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (N là phường T, thành phố Đ).

(Ông K, ông C, ông H có mặt; bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Nguyên đơn - Ngân hàng Thương mại Cổ phần V - trình bày:

Công ty TNHH P đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V - Chi nhánh Đ1 theo Hợp đồng cho vay hạn mức số SME/DNI/17/0137HDHM ngày 04 tháng 12 năm 2017, cụ thể như sau:

Khế ước nhận nợ số	Số tiền vay (đồng)	Thời hạn vay	Lãi suất/năm	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Mục đích vay
Lần: 02/số: SME/DNI/17 /0137HDHM - 02 ngày 03 tháng 01 năm 2018.	566.400.000 đồng	12 tháng	Tại thời điểm giải ngân là 19.6 %/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần.	03/01/20 18	03/01/ 2019	Bổ sung vốn kinh doanh bán phục vụ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp suất ăn công nghiệp.
Lần: 03/số: SME/DNI/17 /0137HDHM - 03 ngày 30 tháng 01 năm 2018.	530.381.390 đồng	12 tháng	Tại thời điểm giải ngân 18.9%/năm, điều chỉnh	30/01/20 18	30/01/ 2019	Bổ sung vốn kinh doanh bán phục vụ hoạt động kinh doanh

			01 tháng/lần.			trong lĩnh vực cung cấp suất ăn công nghiệp.
Lần: 04/số: SME/DNI/17 /0137HDHM - 04 ngày 02 tháng 03 năm 2018.	400.000.000 đồng	12 tháng	Tại thời điểm giải ngân là 18.9 %/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần.	02/03/20 18 02/03/20 19		Bổ sung vốn kinh doanh bán phục vụ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp suất ăn công nghiệp.
Lần: 05/số: SME/DNI17 /0137HDHM - 05 ngày 03 tháng 04 năm 2018.	390.200.718 đồng	12 tháng	Tại thời điểm giải ngân là 18.4 %/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần.	03/04/20 18	03/04/ 2019	Bổ sung vốn kinh doanh bán phục vụ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp suất ăn công nghiệp.
Lần: 06/số: SME/DNI/17 /0137HDH - 06 ngày 27 tháng 04 năm 2018.	409.680.150 đồng	12 tháng	Tại thời điểm giải ngân là 18.4 %/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần.	27/04/20 18	27/04/ 2019	Bổ sung vốn kinh doanh bán phục vụ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp suất ăn công nghiệp.

Lần: 07/số: SME/DNI/17 /0137HDHM - 07 ngày 25 tháng 05 năm 2018.	446.647.828 đồng	12 tháng	Tại thời điểm giải ngân là 17.9 %/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần.	25/05/20 18	25/05/ 2019	Bổ sung vốn kinh doanh bán phục vụ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp suất ăn công nghiệp.
Lần: 08/số: SME/DNI/17 /0137HDHM - 08 ngày 08 tháng 06 năm 2018.	457.994.900 đồng	12 tháng	Tại thời điểm giải ngân là 17.9 %/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần.	08/06/20 18	08/06/ 2019	Bổ sung vốn kinh doanh bán phục vụ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp suất ăn công nghiệp.
Lần: 09/số: SME/DNI17 /0137HDHM - 09 ngày 09 tháng 07 năm 2018.	450.000.000 đồng	12 tháng	Tại thời điểm giải ngân là 18.5 %/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần	09/07/20 18	09/07/ 2019	Bổ sung vốn kinh doanh bán phục vụ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp suất ăn công nghiệp.
Lần: 10 số: SME/DNI/17 /0137HDHM - 10 ngày 09 tháng 08 năm 2018.	557.011.378 đồng	12 tháng	Tại thời điểm giải ngân là 18.5 %/năm, điều chỉnh	09/08/20 18	09/08/ 2019	Bổ sung vốn kinh doanh bán phục vụ hoạt động kinh doanh

			01 tháng/lần.			trong lĩnh vực cung cấp suất ăn công nghiệp.
Lần: 11 số: SME/DNI/17 /0137HDHM - 11 ngày 26 tháng 09 năm 2018.	478.906.343 đồng	12 tháng	Tại thời điểm giải ngân là 18.5 %/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần.	26/09/20 18	26/09/ 2019	Bổ sung vốn kinh doanh bán phục vụ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp suất ăn công nghiệp.
Lần: 12 số: SME/DNI/17 /0137HDHM 12 ngày 26 tháng 10 năm 2018.	470.200.000 đồng	12 tháng	Tại thời điểm giải ngân là 18.8%/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần.	26/10/20 18	26/10/ 2019	Bổ sung vốn kinh doanh bán phục vụ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp suất ăn công nghiệp.
Lần: 13 số: SME/DNI/17 /0137HDHM - 13 ngày 28 tháng 11 năm 2018.	431.000.000 đồng	12 tháng	Tại thời điểm giải ngân là 19.3 %/năm, điều chỉnh 01 tháng/lần.	28/11/20 18	28/11/ 2019	Bổ sung vốn kinh doanh bán phục vụ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp suất ăn công nghiệp.
Tổng cộng	5.588.422.707 đồng					

Khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Hồng H theo Hợp đồng bảo lãnh số: SME/DNI/17/0137/HDBL ngày 04 tháng 12 năm 2017. Khoản tín dụng cấp cho Công ty TNHH P không thực hiện biện pháp bảo đảm bằng thế chấp tài sản, không có đăng ký giao dịch bảo đảm.

Ngoài ra, Công ty TNHH P còn ký kết với Ngân hàng TMCP V Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 11 tháng 11 năm 2017 với các nội dung sau:

Hợp đồng thẻ	Số tiền vay (đồng)	Thời hạn hạn mức thẻ	Ngày giải ngân	Ngày đến hạn	Mục đích vay
Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 11/11/2017.	50.000.000 đồng	60 tháng	11/11/2017	11/11/2022	Bổ sung vốn kinh doanh bán phục vụ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực cung cấp suất ăn công nghiệp.

Khoản vay này được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của ông Nguyễn Hồng H theo Hợp đồng bảo lãnh số: PTD/HĐBL ngày 11/12/2017.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty TNHH P đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. V1 đã nhiều lần liên hệ và làm việc Công ty TNHH P để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty TNHH P cố tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng. Tạm tính đến hết ngày 07/7/2026, Công ty TNHH P còn nợ tại V1 số tiền như sau: Nợ gốc: 2. 920.864.687 đồng; Lãi trong hạn: 47.521.344 đồng; Lãi quá hạn: 7.026.694.969 đồng; Lãi chậm trả: 35.829.791 đồng; Tổng cộng: 10.030.910.791 đồng.

Vì vậy, V1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty TNHH P phải trả ngay một lần cho V1 tổng số nợ còn thiếu tạm tính đến hết ngày 07/7/2026 là: Nợ gốc: 2. 920.864.687 đồng; Lãi trong hạn: 47.521.344 đồng; Lãi quá hạn: 7.026.694.969 đồng; Lãi chậm trả: 35.829.791 đồng; Tổng cộng: 10.030.910.791 đồng.

Kể từ ngày 08/7/2026 Công ty TNHH P vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn theo các hợp đồng tín dụng cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho V1.

2. Trường hợp Công ty TNHH P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên, thì ông Nguyễn Hồng H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay trên theo các Hợp đồng bảo lãnh số: SME/DNI/17/0137/HDBL ngày 04 tháng 12 năm 2017 và Hợp đồng bảo lãnh thế số: PTD/HDBL ngày 11/12/2017 đã được ký kết giữa ông H, Công ty TNHH P và Ngân hàng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Nguyễn Hồng H - trình bày:

Ông là người đầu tư và là thành viên Hội đồng thành viên của Công ty TNHH P. Trước đây, ông có tham gia bảo lãnh cho Công ty TNHH P vay vốn tại Ngân hàng TMCP V với số tiền khoảng 3.000.000.000 đồng. Tuy nhiên, khoản vay này đã được Công ty TNHH P cùng với ông thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng.

Đến khoảng tháng 4 năm 2018, giữa ông và ông Phan Trí Đ phát sinh những mâu thuẫn nghiêm trọng, không thể tiếp tục hợp tác kinh doanh. Do đó, vào ngày 18/04/2018, thông qua Văn phòng T, ông đã gửi Thông báo đến Công ty TNHH P, đồng thời lập vi bằng ghi nhận việc ông trực tiếp đến công ty để giao thông báo này. Nội dung thông báo xác nhận rằng ông là người đầu tư vào Công ty TNHH P và đang quản lý, lưu giữ các giấy tờ pháp lý của công ty gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký mẫu dấu và con dấu của Công ty TNHH P.

Vì vậy, kể từ ngày 19/04/2018, giữa ông và Công ty TNHH P trên thực tế không còn hoạt động điều hành, quản lý hoặc phối hợp kinh doanh với nhau.

Thông qua tìm hiểu thông tin công khai trên mạng, ông phát hiện rằng ngày 06/07/2018, ông Phan Trí Đ với tư cách Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Giám đốc Công ty TNHH P đã ban hành Thông báo về việc thay đổi mẫu con dấu của công ty với lý do con dấu cũ bị hư và mẫu dấu mới có hiệu lực kể từ ngày 07/07/2018.

Ông không đồng ý và không chấp nhận việc ông Phan Trí Đ đơn phương thực hiện việc thay đổi mẫu dấu trong khi ông là người đang lưu giữ con dấu và các giấy tờ pháp lý của doanh nghiệp theo thông báo đã được lập vi bằng trước đó.

Sau khi ông đã chấm dứt việc tham gia điều hành và đã thông báo cho Công ty TNHH P vào ngày 18/04/2018, nếu Công ty TNHH P tiếp tục đề nghị Ngân hàng TMCP V giải ngân hoặc ký kết các hợp đồng tín dụng mới thì đó là các giao dịch do Công ty TNHH P tự thực hiện và tự chịu trách nhiệm. Ông không được Ngân hàng TMCP V thông báo, trao đổi hoặc yêu cầu xác nhận đối với các khoản vay, các lần giải ngân hoặc các giao dịch tín dụng phát sinh kể từ sau ngày 19/04/2018. Đối với các khoản vay và các lần giải ngân từ ngày 27/04/2018 trở đi, ông không tham gia đàm phán, không ký kết, không phê duyệt và không được thông báo.

Do đó, các khoản tín dụng phát sinh kể từ ngày 27/04/2018 giữa Công ty TNHH P và Ngân hàng TMCP V không liên quan đến ông và Công ty TNHH P phải tự chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch này.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được thực hiện đúng quy định pháp luật.

Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền gốc, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn của các hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên, thì ông Nguyễn Hồng H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay trên theo các Hợp đồng bảo lãnh số: SME/DNI/17/0137/HDBL ngày 04 tháng 12 năm 2017 và Hợp đồng bảo lãnh thẻ số: PTD/HDBL ngày 11/12/2017 đã được ký kết giữa ông H, Công ty TNHH P và Ngân hàng. Riêng đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả lãi chậm trả số tiền 35.829.791 đồng là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Công ty TNHH P và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đã ký Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/DNI/17/0137/HDBL ngày 04 tháng 12 năm 2017 (Bút lục 135 - 141); Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 04 tháng 12 năm 2017 (Bút lục 134); Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 11 tháng 11 năm 2017 (Bút lục 76 - 90). Công ty TNHH P, Ngân hàng Thương mại Cổ phần V và ông Nguyễn Hồng H đã ký kết Hợp đồng bảo lãnh số: SME/DNI/17/0137/HDBL ngày 04 tháng 12 năm 2017 (Bút lục 132 - 133); Hợp đồng bảo lãnh số: PTD/HDBL ngày 11 tháng 12 năm 2017 (Bút lục 130 - 131).

[2.2] Theo nguyên đơn trình bày: Tính đến ngày 07/7/2026, Công ty TNHH P còn nợ Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số nợ gốc: 2.920.864.687 đồng; Lãi trong hạn: 47.521.344 đồng; Lãi quá hạn: 7.026.694.969 đồng; Lãi chậm trả: 35.829.791 đồng; Tổng cộng: 10.030.910.791 đồng.

[2.3] Ngân hàng Thương mại Cổ phần V đã yêu cầu Công ty TNHH P có trách nhiệm thanh toán các khoản nợ trên, tuy nhiên Công ty TNHH P vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký. Do đó, chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V: Buộc Công ty TNHH P phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V các khoản sau:

[2.4] Buộc Công ty TNHH P phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền gốc và lãi tính đến ngày 07/7/2026 là 9.995.081.000 đồng, bao gồm: nợ gốc 2.920.864.687 đồng; Lãi trong hạn 47.521.344 đồng; Lãi quá hạn 7.026.694.969 đồng.

[2.5] Kể từ ngày 08/7/2026, Công ty TNHH P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/DNI/17/0137/HDBL ngày 04 tháng 12 năm 2017; Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 04 tháng 12 năm 2017; Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế số: PTD/HDBL ngày 11 tháng 11 năm 2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2.6] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc trường hợp Công ty TNHH P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên, thì ông Nguyễn Hồng H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay nêu trên theo các Hợp đồng bảo lãnh số: SME/DNI/17/0137/HDBL ngày 04 tháng 12 năm 2017 và Hợp đồng bảo lãnh số: PTD/HDBL ngày 11 tháng 12 năm 2017, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.7] Tại Hợp đồng bảo lãnh số: SME/DNI/17/0137/HDBL ngày 04 tháng 12 năm 2017 (Bút lục 132 - 133), giữa ông H, Công ty TNHH P, và Ngân hàng TMCP V thể hiện:

“Điều 1. Nghĩa vụ được bảo lãnh và thời hạn bảo lãnh

1. Bên bảo lãnh đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Bên được bảo lãnh đối với Bên Ngân hàng phát sinh từ Hợp đồng cho vay số SME/DNI/17/0137/HDHM ngày 04/12/201.... và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Bên được bảo lãnh và bên Ngân hàng bao gồm cả các phụ lục, văn bản

sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan (Sau đây gọi chung là “Văn kiện tín dụng”).

2. Toàn bộ nghĩa vụ nêu tại khoản 1 Điều này được hiểu bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp (chi phí thu giữ, trông giữ, chi phí bán đấu giá, tiền phí thi hành án...) và tất cả các các nghĩa vụ khác của Bên được bảo lãnh đối với Bên Ngân hàng theo Văn kiện tín dụng nêu trên.

3. Việc bảo lãnh theo Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày phát sinh nghĩa vụ được bảo lãnh quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này cho đến khi Bên được bảo lãnh thực tế thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ và hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ với Bên Ngân hàng theo các Văn kiện tín dụng.”

[2.8] Tại Hợp đồng bảo lãnh số: PTD/HDBL ngày 11 tháng 12 năm 2017 (Bút lục 130 - 131) giữa ông H, Công ty TNHH P, và Ngân hàng TMCP V thể hiện:

“Điều 1. Nghĩa vụ được bảo lãnh và thời hạn bảo lãnh

1. Bên bảo lãnh đồng ý, bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Bên được bảo lãnh trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ của Bên được bảo lãnh đối với Bên Ngân hàng phát sinh từ giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 11/11/2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Bên được bảo lãnh và Bên Ngân hàng bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan (Sau đây gọi chung là “Văn kiện tín dụng”).

2. Toàn bộ nghĩa vụ nêu tại khoản 1 Điều này được hiểu bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, chi phí xử lý tài sản thế chấp (chi phí thu giữ, trông giữ, chi phí bán đấu giá, tiền phí thi hành án...) và tất cả các các nghĩa vụ khác của Bên được bảo lãnh đối với Bên Ngân hàng theo Văn kiện tín dụng nêu trên.

3. Việc bảo lãnh theo Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày phát sinh nghĩa vụ được bảo lãnh quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này cho đến khi Bên được bảo lãnh thực tế thanh toán hết nghĩa vụ trả nợ và hoàn thành toàn bộ các nghĩa vụ với Bên Ngân hàng theo các Văn kiện tín dụng”.

[2.9] Việc bảo lãnh do các bên tự nguyện ký kết, phù hợp quy định tại Điều 335, Điều 336 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên có hiệu lực thi hành đối với tất cả các bên.

[2.10] Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, trường hợp Công ty TNHH P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng, thì ông Nguyễn Hồng H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền trên theo các Hợp

đồng bảo lãnh số: SME/DNI/17/0137/HDBL ngày 04 tháng 12 năm 2017 và Hợp đồng bảo lãnh số: PTD/HDBL ngày 11 tháng 12 năm 2017.

[3] Đối với ý kiến của ông H về việc trước đây ông có bảo lãnh cho Công ty TNHH P vay của Ngân hàng V1 số tiền khoảng 3.000.000.000đ, nhưng ông và Công ty TNHH P đã trả cho Ngân hàng số tiền này. Từ ngày 19/4/2018 giữa ông và Công ty TNHH P đã không còn liên quan với nhau. Ông đã đề nghị lập vi bằng về việc ông có đến Công ty TNHH P ghi ngày 18/4/2018 của ông gửi đến Công ty TNHH P. Do đó, số tiền Công ty TNHH P yêu cầu Ngân hàng tiếp tục giải ngân sau 19/4/2018 thì Công ty TNHH P phải tự chịu trách nhiệm. Các khoản vay này ông không được Ngân hàng thông báo, nên ông không liên quan gì đến các khoản vay tín dụng từ ngày 27/4/2018 giữa Công ty TNHH P và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V. Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Việc ông H cho rằng đã lập vi bằng ngày 19/4/2018, nội dung: giao Thông báo ngày 18/4/2018 cho Công ty TNHH P. Nội dung Thông báo ngày 18/4/2018 thể hiện: Hiện nay ông H vẫn đang giữ các tài sản của Công ty gồm: Giấy phép đăng ký kinh doanh của Công ty TNHH P, giấy chứng nhận đã đăng ký dấu của Công ty TNHH P và con dấu của Công ty TNHH P để thuận tiện cho việc quản lý tài sản của ông H.

[3.2] Nội dung Thông báo ngày 18/4/2018 không đề cập gì đến việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hoặc hủy bỏ với Hợp đồng bảo lãnh số: SME/DNI/17/0137/HDBL ngày 04 tháng 12 năm 2017 và Hợp đồng bảo lãnh số: PTD/HDBL ngày 11 tháng 12 năm 2017. Thực tế giữa ông H, Công ty TNHH P và Ngân hàng cũng không có bất cứ thỏa thuận nào khác về việc sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hoặc hủy bỏ đối với 02 Hợp đồng bảo lãnh trên. Do đó, việc ông H giao Thông báo ngày 18/4/2018 cho Công ty TNHH P không loại trừ trách nhiệm của ông H đối với Hợp đồng bảo lãnh số: SME/DNI/17/0137/HDBL ngày 04 tháng 12 năm 2017 và Hợp đồng bảo lãnh số: PTD/HDBL ngày 11 tháng 12 năm 2017.

[3.3] Như vậy, giữa ông H, Công ty TNHH P và Ngân hàng không có thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, hủy hợp đồng bảo lãnh theo quy định tại Điều 421, 422, 423 Bộ luật Dân sự, ông H cũng không có thông báo gì với Ngân hàng về việc yêu cầu thay đổi, chấm dứt nghĩa vụ bảo lãnh. Do đó, ông H vẫn phải chịu trách nhiệm bảo lãnh theo các Hợp đồng bảo lãnh số: SME/DNI/17/0137/HDBL ngày 04 tháng 12 năm 2017 và Hợp đồng bảo lãnh số: PTD/HDBL ngày 11 tháng 12 năm 2017.

[4] Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc buộc Công ty TNHH P phải trả lãi chậm trả số tiền 35.829.791 đồng là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, do đó không chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[5] Đối với ý kiến ông H về việc tranh chấp thành viên Công ty hoặc sẽ yêu cầu ông Đ đền bù thiệt hại đã gây ra cho ông H, Ngân hàng là người có quyền lợi

nghĩa vụ liên quan tới khoản đền bù này: Đến trước thời điểm Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ông H vẫn chưa có đơn yêu cầu thể hiện ông H yêu cầu cụ thể như thế nào, số tiền yêu cầu bồi thường thiệt hại là bao nhiêu. Do đó tách ra giành quyền khởi kiện cho ông H bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[6] Đối với ý kiến ông H về việc ông H đang giữ con dấu của Công ty TNHH P, nên các con dấu của Công ty TNHH P đóng dấu gửi cho Ngân hàng là không hợp pháp, Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại Công văn số 314 ngày 04/12/2025 do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Tài chính tỉnh Đ cung cấp thể hiện: Công ty TNHH P được Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Đ (nay là Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Tài chính tỉnh Đ) cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp...người đại diện theo pháp luật là ông Phan Trí Đ... Công ty TNHH P chưa thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp hoặc tạm dừng kinh doanh, hoặc giải thể kê từ lần đăng ký lần thứ 4 ngày 22/10/2015 đến nay (Bút lục 674). Ngoài ra theo chứng cứ do Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Tài chính tỉnh Đ cung cấp thì Công ty TNHH P có thông báo về việc thay đổi mẫu con dấu với Phòng Đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch đầu tư tỉnh Đ (Bút lục 679). Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty TNHH P thay đổi lần thứ 4 ngày 22/10/2015 do ông Phan Trí Đ là người đại diện theo pháp luật (Bút lục 679). Do đó, các giao dịch do Công ty TNHH P thực hiện thì Công ty TNHH P phải chịu trách nhiệm đối với các hoạt động của mình.

[7] Về án phí: Công ty TNHH P phải chịu số tiền án phí 117.995.081 đồng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V phải chịu 3.000.000 đồng án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, được khấu trừ vào số tiền 50.131.024 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008719 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai). Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V 47.131.024 đồng.

[8] Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai phù hợp với các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 220, Điều 266, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 335, Điều 336, Điều 420, Điều 421, Điều 422, Điều 423, Điều 463, Điều 465, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật các Tổ chức tín

dụng năm 2010; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V:

1.1. Buộc Công ty TNHH P phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền gốc và lãi tính đến ngày 07/7/2026 là 9.995.081.000 đồng (Chín tỷ, chín trăm chín mươi lăm triệu, không trăm tám mươi một ngàn đồng), bao gồm: nợ gốc 2.920.864.687 đồng (Hai tỷ, chín trăm hai mươi triệu, tám trăm sáu mươi bốn ngàn, sáu trăm tám mươi bảy đồng); Lãi trong hạn 47.521.344 đồng (Bốn mươi bảy triệu, năm trăm hai mươi một ngàn, ba trăm bốn mươi bốn đồng); Lãi quá hạn 7.026.694.969 đồng (Bảy tỷ, không trăm hai mươi sáu triệu, sáu trăm chín mươi bốn ngàn, chín trăm sáu mươi chín đồng).

1.2. Kể từ ngày 08/7/2026, Công ty TNHH P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay hạn mức số: SME/DNI/17/0137/HDBL ngày 04 tháng 12 năm 2017; Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 04 tháng 12 năm 2017; Giấy đề nghị kiểm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng Quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 11 tháng 11 năm 2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.3. Trường hợp Công ty TNHH P không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ số tiền trên, thì ông Nguyễn Hồng H có trách nhiệm thanh toán toàn bộ khoản vay trên theo các Hợp đồng bảo lãnh số: SME/DNI/17/0137/HDBL ngày 04 tháng 12 năm 2017 và Hợp đồng bảo lãnh số: PTD/HDBL ngày 11 tháng 11 năm 2017 đã được ký kết giữa ông Nguyễn Hồng H, Công ty TNHH P, và Ngân hàng Thương mại Cổ phần V.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần V về việc buộc Công ty TNHH P phải trả lãi chậm trả số tiền 35.829.791 đồng.

3. Về án phí: Công ty TNHH P phải chịu số tiền án phí 117.995.081 đồng (Một trăm mười bảy triệu, chín trăm chín mươi lăm ngàn, không trăm tám mươi một đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần V phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) án phí đối với yêu cầu không được Tòa án chấp nhận, được khấu trừ vào số tiền 50.131.024 đồng (Năm mươi triệu, một trăm ba mươi một ngàn, không trăm hai mươi bốn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0008719 ngày 05/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai). Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần V số tiền 47.131.024 đồng (Bốn mươi bảy triệu, một trăm ba mươi một ngàn, không trăm hai mươi bốn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, ông H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND;
- Phòng THADS khu vực 1 – Đồng Nai;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Tuyền